

Tản Mạn về Tử Vi và Phong Thủy

Bài 2

Cách So tuổi và tìm ngày giờ tốt xấu

Lời nói đầu : Bài này chỉ có mục đích giới thiệu với độc giả làm quen với vài Định Nghĩa và Khái Niệm cơ bản trong các khoa Chiêm Tinh Đông Phương như Tử Vi, Bói Dịch, Phong Thủy. Độc Giả tự đó có thể tự mình biết tuổi mình thuộc Con Giáp nào (trong Lục Thập Hoa Giáp), để so tuổi mình với tuổi người khác xem có hợp hay khắc trong quan hệ lứa đôi hay trong công việc hợp tác làm ăn buôn bán. Sinh đứa con với tuổi nào hợp hay khắc với mình. Tự xem Lịch để chọn giờ, ngày, tháng hợp với mình để khai trương một cửa tiệm hay bắt đầu một công việc mới.

Trong quan hệ lứa đôi hay hôn hạp, chẳng may gặp người khắc tuổi, làm cách nào trung hòa độ khắc để trở thành hòa hợp trong cuộc sống hay trong công việc hôn hạp làm ăn.

Chọn màu sắc quần áo, xe cộ, giấy dép, màu tường phòng ngủ để thích hợp với tuổi của mình. Cũng như Phong cảnh nơi ở, hướng nhà ở, hướng giường ngủ chọn sao cho thích hợp để hòa hợp với thiên nhiên trong cuộc sống về mặt Phong Thủy (chi tiết ở Bài số 3). Với các khái niệm Sơ Đẳng của bài này sẽ giúp Quý Vị dễ dàng tìm hiểu trong những bài khác.

Phần I : Đại Cương về Âm Dương Ngũ Hành

Quan niệm cổ xưa của Trung Hoa và Việt Nam coi thiên nhiên và con người có liên quan chặt chẽ với nhau (Thiên Nhân tương dữ). Vì thế dựa vào biến dịch của Vũ Trụ để áp dụng vào con người làm sao cho thích nghi với Thiên Nhiên để hài hòa trong cuộc sống. Điều đó rất hợp lý vì Xã Hội cổ xưa của Trung Hoa và Việt Nam là xã hội Nông Nghiệp. Khi kỹ thuật canh tác còn thô sơ thì phải dựa vào sự biến dịch của Thiên Nhiên để hành động sao cho phù hợp : Thuận Thiên giả tồn- Nghịch Thiên giả vong.

Về mặt Triết Lý theo Kinh Dịch trước hết vũ trụ có Thái Cực được xem là nguyên lý tối cao của vạn vật . Trong Thái Cực tiềm phục sẵn hai Khí, hai yếu tố điều hợp hay hiện tượng gọi là ÂM và DƯƠNG. Ở trạng thái động, Thái Cực sinh ra Dương, hết quá trình động chuyển sang tĩnh sinh ra Âm. Âm và Dương là 2 hiện tượng lúc đối kháng, lúc bổ túc để cấu tạo ra mọi sự vật. Ở giai đoạn sơ khởi định tắc bất dịch là định tắc Âm Dương thể hiện khắp nơi trong Vũ Trụ. Nếu ngũ hình thì Trời, mặt trời, ánh sáng là Dương biểu hiện qua vạch dài _ ; Đất, mặt trăng, bóng tối là Âm biểu hiện qua hai nét ngắn rời - - . Thể hiện qua thời gian Xuân, Hạ, Ngày là Dương ; Thu, Đông, Đêm là Âm. Thể hiện trong nhân loại Vua, Cha, Chồng, Đàn Ông là Dương ; Vợ, Đàn Bà, Tôi Tớ là Âm. Mọi hiện tượng trong Vũ Trụ đều có thể xếp loại theo 2 thể cách đó.

Ở giai đoạn hai thì Âm Dương sinh ra Ngũ Hành tức là 5 chất cơ bản tạo cơ cấu cho vạn vật trong vũ trụ. Ngũ Hành là sự thể hiện của 2 khí Âm Dương trên phương diện vật chất. Năm chất (hay Ngũ Hành) đó là KIM, THỦY, MỘC, HỎA, THỔ.

Lấy vạch liền Dương _ và vạch rời Âm - -ghép với nhau, gọi chung là Hào ghép chồng lên nhau 3 tầng ta được 8 Quẻ Đơn (hay Quái) gọi là Bát Quái :

Càn (hay Thiên) ≡≡≡ là trời.

Tốn (hay Phong) ≡≡ là gió, mây, cây cối.

Đoài (hay Trạch) ≡≡ là đầm, ao hồ.

Khảm (hay Thủy) ≡≡ là nước.

Ly (hay Hỏa) ≡≡ là lửa.

Cấn (hay Sơn) ≡≡ là núi non.

Khôn (hay Địa) ≡≡ là đất

Lấy 2 Quẻ Đơn chồng lên nhau ta được 64 Quẻ kép được dùng trong Bói Dịch.

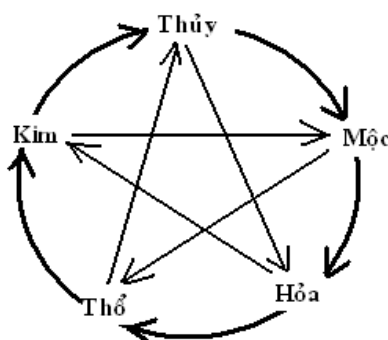
Thái Cực sinh Lưỡng Nghi (Thái Dương và Thái Âm)

Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng (Thái Dương, Thiếu Dương, Thái Âm, Thiếu Âm)

Ngũ Hành Sinh Khắc

1) Tương Sinh

Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy theo Chu Trình khép kín.



Hiểu theo nghĩa đen về mặt Lý Hóa: nước cần cho cây cối. Nước (Thủy) lợi cho cây cối (Mộc) để sinh tồn. Gỗ cây đốt lên thành lửa (Hỏa). Cây sau khi cháy trở thành Tro (Thổ). Dưới mặt đất có Vàng (vàng, bạc, đồng, kẽm...) được hiểu như là Kim loại thuộc hành Kim. Kim nung chảy thành Nước.

Ý niệm Tương Sinh theo Cổ Nhân là 2 hành có tương quan tốt, đi với nhau, cái nọ làm lợi cho cái kia.

Theo khoa Chiêm Tinh Đông Phương mỗi người sinh ra dưới

một Hành(trong Ngũ Hành). Nếu người có hành Thủy hợp tác với người mang hành Mộc trong quan hệ hôn nhân hay thương mại thì cả hai đều có lợi. Người mạng Mộc được lợi thế hơn người mạng Thủy vì thủy *sinh nhập* mộc; ngược lại đối với người mạng Thủy gọi là *sinh xuất*, mệt mỏi và ít lợi thế hơn.

2) *Tương Khắc*

Thủy khắc hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy. Ta thấy hiển nhiên khi tưới nước vào lửa thì lửa tắt. Lửa làm nóng chảy kim loại. Dao kéo chặt đứt cây cối. Rễ cây phá đất. Đất hút cạn nước. Giữa sự khắc của hai hành như Thủy và Hỏa chẳng hạn, người ta thường phân loại 2 loại khắc: Thủy *khắc nhập* Hỏa, xấu nhiều. Hỏa *khắc xuất* Thủy, yếu hơn.

Ta phải hiểu nghĩa khắc theo quan niệm rộng: Cô B mạng Thủy yêu cậu A mạng Hỏa, có thể 2 người hợp tính tình nhau, song vì thủy khắc hỏa, nếu 2 người sống chung đều không có lợi. Mạng Hỏa bất lợi hơn mạng Thủy.

Nếu 2 người 1 mạng Kim, 1 mạng Mộc hợp tác làm ăn Kinh Doanh, vì Kim khắc Mộc nên Công Ty đó không được thuận lợi, thường gặp nhiều khó khăn, phải phấn đấu nhiều.

3) *Tương Thừa và Tương Vũ*

Ý niệm tương sinh tương khắc trên rất tương đối. Thí dụ như Thổ sinh Kim nhưng nếu quá nhiều Thổ, Thổ lại vùi lấp Kim mà không thấy sinh ra Kim, thậm chí còn hủy diệt Kim (tương thừa). Thổ khắc Thủy nhưng nếu Thủy quá mạnh thì có thể khắc ngược lại Thổ như hình ảnh nước lũ cuốn trôi đất (tương vũ).

Phần II: So tuổi để chọn người thích hợp trong Hôn Nhân hay trong hợp tác làm ăn. Tìm ngày giờ lành tháng tốt.

1) *Cách tạo thành tuổi Âm Lịch*

Muốn tạo thành tuổi Âm Lịch ta phải lấy 1 Can ghép với 1 Chi, cách ghép như vậy thuật ngữ Tử Vi gọi là *Nạp Âm*. Có 10 Can gọi là Thập Can (5 Can Dương là Giáp, Bính, Mậu, Canh, Nhâm và 5 Can Âm là Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý) và 12 Chi gọi là Thập Nhị Chi tượng trưng 12 tuổi biểu tượng qua hình ảnh của 12 con vật (6 Chi Dương là Tý: chuột, Dần : hổ, Thìn : rồng, Ngọ : ngựa, Thân : khỉ, Tuất : chó và 6 chi Âm là Sửu : trâu, Mão : mèo hay thỏ, Tỵ : rắn, Mùi : dê, Dậu : gà, Hợi : heo hay lợn). Nên nhớ chỉ có Can Dương mới ghép được với Chi Dương cũng ghép như thế đối với Can và Chi đều cùng Âm. Thí dụ như Can Dương Giáp chỉ có thể ghép được với 6 Chi Dương (Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất) tạo thành 6 tuổi Âm Lịch: Giáp Tý, Giáp Dần, Giáp Thìn, Giáp Ngọ, Giáp Thân, Giáp Tuất đối với đàn ông được gọi là Dương Nam và đàn bà là Dương Nữ; cũng như thế với 4 Can Dương còn lại. Còn Can Âm như Ất chẳng hạn cũng chỉ ghép được với 6 Chi Âm (Sửu, Mão, Tỵ, Mùi, Dậu và Hợi) tạo thành 6 tuổi Âm Lịch : Ất Sửu, Ất Mão, Ất Tỵ, Ất Mùi, Ất Dậu và Ất Hợi đối với đàn ông được gọi là Âm Nam và đàn bà là Âm Nữ; cũng như thế đối với 4 can âm còn lại. Lưu ý rằng Can Dương không thể ghép với Chi Âm, cũng như Can Âm không ghép được với Chi Dương (ví dụ không thể có Giáp Sửu hay Ất Tý...).

Như vậy 10 Can ghép với 12 Chi, nếu không phân biệt Âm Dương ta sẽ có $12 \times 10 = 120$ tuổi, song vì phân biệt Âm Dương nên chỉ còn $120 : 2 = 60$ tuổi gọi là Lục Thập Hoa Giáp (coi như một Thế Kỷ của Âm Lịch).

Bảng Lục Thập Hoa Giáp

1. **Giáp Tý** - Hải Trung Kim (vàng dưới biển)
2. Ất Sửu - Hải Trung Kim (vàng dưới biển)
3. Bính Dần - Lô Trung Hỏa (lửa trong lò)
4. Đinh Mão - Lô Trung Hỏa (lửa trong lò)
5. Mậu Thìn - Đại Lâm Mộc (gỗ cây cổ thụ)
6. Kỷ Ty - Đại Lâm Mộc (gỗ cây cổ thụ)
7. Canh Ngọ- Lộ Bàng Thổ (Đất giữa Đại Lộ)
8. Tân Mùi - Lộ Bàng Thổ (Đất giữa Đại Lộ)
9. Nhâm Thân- Kiếm Phong Kim (Vàng trên mũi Kiếm)
10. Quý Dậu - Kiếm Phong Kim (Vàng trên mũi Kiếm)
11. **Giáp Tuất** - Sơn Đầu Hỏa (Lửa trên ngọn núi)
12. Ất Hợi - Sơn Đầu Hỏa (Lửa trên ngọn núi)
13. Bính Tý - Giản Hạ Thủy hay Giang Hạ Thủy (Nước dưới Khe Suối)
14. Đinh Sửu - Giản Hạ Thủy (Nước dưới Khe Suối)
15. Mậu Dần - Thành Đầu Thổ (Đất trên bờ Thành)
16. Kỷ Mão - Thành Đầu Thổ (Đất trên bờ Thành)
17. Canh Thìn - Bạch Lạp Kim (Vàng trong Nén trắng)
18. Tân Ty - Bạch Lạp Kim (Vàng trong Nén trắng)
19. Nhâm Ngọ - Dương Liễu Mộc (Gỗ cây Dương Liễu)
20. Quý Mùi - Dương Liễu Mộc (Gỗ cây Dương Liễu)
21. **Giáp Thân** - Tuyền Trung Thủy (Nước giữa Dòng Suối)
22. Ất Dậu - Tuyền Trung Thủy (Nước giữa Dòng Suối)
23. Bính Tuất - Ốc Thượng Thổ (Đất trên nóc nhà)
24. Đinh Hợi - Ốc Thượng Thổ (Đất trên nóc nhà)
25. Mậu Tý - Tích Lịch Hỏa (Lửa Sấm Sét)
26. Kỷ Sửu - Tích Lịch Hỏa (Lửa Sấm Sét)
27. Canh Dần - Tòng Bá Mộc (Gỗ cây Tùng)
28. Tân Mão - Tòng Bá Mộc (Gỗ cây Tùng)
29. Nhâm Thìn - Trường Lưu Thủy (Nước Sông Dài)
30. Quý Ty - Trường Lưu Thủy (Nước Sông Dài)
31. **Giáp Ngọ** - Sa Trung Kim (Vàng trong Cát)
32. Ất Mùi - Sa Trung Kim (Vàng trong Cát)
33. Bính Thân - Sơn Hạ Hỏa (Lửa dưới Chân Núi)
34. Đinh Dậu - Sơn Hạ Hỏa (Lửa dưới Chân Núi)
35. Mậu Tuất - Bình Địa Mộc (Gỗ cây ở Đồng Bằng)
36. Kỷ Hợi - Bình Địa Mộc (Gỗ cây ở Đồng Bằng)
37. Canh Tý - Bích Thượng Thổ (Đất trên Vách Đá)
38. Tân Sửu - Bích Thượng Thổ (Đất trên Vách Đá)

- 39. Nhâm Dần - Kim Bạc Kim (Vàng pha Bạch Kim)
- 40. Quý Mão - Kim Bạc Kim (Vàng pha Bạch Kim)
- 41. **Giáp Thìn** - Phú Đăng Hỏa (Lửa ngọn đèn Hải Đăng)
- 42. Ất Ty - Phú Đăng Hỏa (Lửa ngọn đèn Hải Đăng)
- 43. Bính Ngọ - Thiên Hà Thủy (Nước trên Sông Trời)
- 44. Đinh Mùi - Thiên Hà Thủy (Nước trên Sông Trời)
- 45. Mậu Thân - Đại Dịch Thổ (Đất thuộc Khu rộng lớn)
- 46. Kỷ Dậu - Đại Dịch Thổ (Đất thuộc Khu rộng lớn)
- 47. Canh Tuất - Thoa Xuyên Kim (Vàng của Vòng Xuyên)
- 48. Tân Hợi - Thoa Xuyên Kim (Vàng của Vòng Xuyên)
- 49. Nhâm Tý - Tang Đố Mộc (Gỗ cây Dâu Tằm)
- 50. Quý Sửu - Tang Đố Mộc (Gỗ cây Dâu Tằm)
- 51. **Giáp Dần** - Đại Khê Thủy (Nước dưới Suối Lớn)
- 52. Ất Mão - Đại Khê Thủy (Nước dưới Suối Lớn)
- 53. Bính Thìn - Sa Trung Thổ (Đất lẫn trong Cát)
- 54. Đinh Ty - Sa Trung Thổ (Đất lẫn trong Cát)
- 55. Mậu Ngọ - Thiên Thượng Hỏa (Lửa trên Trời)
- 56. Kỷ Mùi - Thiên Thượng Hỏa (Lửa trên Trời)
- 57. Canh Thân - Thạch Lựu Mộc (Gỗ cây Lựu)
- 58. Tân Dậu - Thạch Lựu Mộc (Gỗ cây Lựu)
- 59. Nhâm Tuất - Đại Hải Thủy (Nước trong Biển Cả)
- 60. Quý Hợi - Đại Hải Thủy (Nước trong Biển Cả).

Hết 60 năm lại trở về Giáp Tý, như năm Dương Lịch kể từ 5-2-1924 đến 24-1-1985 là năm Giáp Tý, 60 năm sau năm Dương Lịch kể từ 2-2-1984 đến 20-1-1985 cũng là năm Giáp Tý. Nếu để ý đến Chu Trình kín (như vòng tròn Lượng Giác chẳng hạn) ta tưởng các tuổi Giáp Tý (chẳng hạn) giống nhau (cùng 1 lá số khi cùng giờ, ngày, tháng, năm Giáp Tý), nhưng khi biểu diễn thời gian trên một trục thực R, ta thấy đó là 2 thời điểm khác nhau nên cuộc đời của 2 tuổi Giáp Tý cách nhau 60 năm đương nhiên khác nhau (chưa kể đến hình tướng, nơi sinh cùng dòng họ và môi trường).

Nhận xét để dễ nhớ các tuổi:

- a) Các tuổi có cùng hàng Can cách nhau Bội Số của 10 (10, 20, 30, 40...) như Giáp Tý 1924 cách Giáp Tuất 1934 : 10 năm , cách Giáp Thân 1944: 20 năm vv...
- b) Các tuổi có cùng hàng Chi cách nhau Bội Số của 12 (12, 24, 36, 48 ...) như Giáp Tý 1924 cách Bính Tý 1936 : 12 năm, cách Mậu Tý 1948 : 24 năm vv...

2) Từ Năm Sinh Dương Lịch đổi ra năm Âm Lịch.

Muốn chính xác phải dùng Lịch Âm Dương đối chiếu, tuy nhiên nếu sinh ở Tuần Cuối của tháng 2 đến hết tháng 12 của một năm Dương Lịch ta có thể dùng một phép Toán nhỏ để tính:

Thí Dụ người sinh năm Dương Lịch 1948 muốn biết năm Âm Lịch là năm nào? Ta dùng cách tính nhằm như sau: $1948-3 = 1945 = 32 \times 60 + 25$ để ý số dư 25 trong phép chia cho 60 trên bảng Lục Thập Hoa Giáp ta thấy ứng với năm Mậu Tý.

Quy tắc: Lấy năm Dương Lịch trừ đi 3, xong thực hiện phép chia cho 60, số dư là số thứ tự trong bảng Lục Thập Hoa Giáp cho ta biết năm Âm Lịch.

Lưu ý:

1. Năm Mậu Tý (Tích Lịch Hỏa) ứng với Dương lịch từ 10-2-1948 đến hết ngày 28-1-1949 nghĩa là nếu sinh từ 1-1-1948 đến 9-2-1948 lại là tuổi Đinh Hợi (Ốc Thượng Thổ) nên Quy tắc trên chỉ dùng cho những người, tốt nhất là sinh từ tháng 3 đến tháng 12 của năm Dương Lịch là chắc chắn mà thôi.

2. Những năm Dương Lịch có con số hàng đơn vị (con số tận cùng của năm sinh Dương Lịch):

- là 0 ứng với năm Canh (Canh Thìn 1940, Canh Tý 1960...)
- là 1 ứng với năm Tân (Tân Tỵ 1941, Tân Sửu 1961...)
- là 2 ứng với năm Nhâm (Nhâm Ngọ 1942, Nhâm Dần 1962...)
- là 3 ứng với năm Quý (Quý Mùi 1943, Quý Mão 1963...)
- là 4 ứng với năm Giáp (Giáp Thân 1944, Giáp Thìn 1964...)
- là 5 ứng với năm Ất (Ất Dậu 1945, Ất Tỵ 1965...)
- là 6 ứng với năm Bính (Bính Tuất 1946, Bính Ngọ 1966 ...)
- là 7 ứng với năm Đinh (Đinh Hợi 1947, Đinh Mùi 1967...)
- là 8 ứng với năm Mậu (Mậu Tý 1948, Mậu Thân 1968 ...)
- là 9 ứng với năm Kỷ (Kỷ Sửu 1949, Kỷ Dậu 1969 ...).

3. Cách Nạp Âm theo bảng Lục Thập Hoa Giáp kể trên do người Trung Hoa (đa số dùng), với tuổi Mậu Tý nạp âm hành Hỏa nên gọi là Con Chuột Đỏ (màu đỏ tượng trưng cho hành Hỏa), riêng người Tây Tạng (cũng có số nhỏ người Tàu) lấy hành theo hàng Can nên Mậu Tý được gọi là Con Chuột Đất vì Can Mậu thuộc hành Thổ (màu nâu, màu vàng, màu đất tượng trưng cho hành Thổ). Chỉ khi nào Nạp Âm và Can cùng một hành thì cách gọi giống nhau, như năm Canh Thìn : nạp âm là Bạch Lạp Kim và hàng Can Canh thuộc Kim nên cả hai Phái đều gọi chung là năm Rồng Vàng (Bạch Long) vì Kim sắc trắng nên gọi là Bạch Long và năm Nhâm Thìn nạp âm hành Thủy và hàng Can Nhâm cũng thuộc Thủy nên gọi là Rồng Nước (Hắc Long). Riêng Hoàng Long dùng để chỉ năm Thìn có nạp âm hành Thổ (như Bính Thìn đối với người Trung Hoa, nhưng người Tây Tạng lại gọi là Hỏa Long- Rồng Lửa vì can Bính thuộc Hỏa); Thanh Long để chỉ năm Thìn có nạp âm hành Mộc (Mậu Thìn nhưng người Tây Tạng lại gọi là Hoàng Long vì Can Mậu thuộc Thổ), Hỏa Long (Rồng Lửa) để chỉ năm Thìn có nạp âm hành Hỏa (Giáp Thìn nhưng người Tây Tạng lại gọi là Thanh Long- Rồng Gỗ vì can Giáp thuộc Mộc).

Hành Thủy : Can Nhâm Quý, Chi Tỵ Hợi, về màu sắc: đen, xám.

Hành Mộc : Can Giáp Ất, Chi Dần Mão, về màu sắc: các màu xanh.

Hành Hỏa : Can Bính Đinh, Chi Tỵ Ngọ, về màu sắc: hồng, đỏ.

Hành Thổ : Can Mậu Kỷ, Chi Thìn Tuất Sửu Mùi, về màu sắc: vàng, nâu, màu đất.

Hành Kim : Can Canh Tân, Chi Thân Dậu, về màu sắc: trắng, ngà.

Do đó trong cuộc sống hàng ngày để gặp may mắn, ít trở ngại về màu sắc quần áo, giấy dép, màu của xe cộ, màu tường của phòng ngủ nên chọn tùy theo Hành của tuổi và sinh nhập cho tuổi, tránh các màu khắc nhập với tuổi:

Mạng Thủy: trắng, ngà, đen hay xám, kỵ màu của Thổ.

Mạng Mộc: các màu xanh(nước biển, da trời, lục, chàm), đen hay xám, kỵ màu của Kim.

Mạng Hỏa: hồng, đỏ, tía, các màu xanh, kỵ màu của Thủy.

Mạng Thổ: vàng, nâu, da cam, màu đất, hồng và đỏ, kỵ màu của Mộc.

Mạng Kim: vàng, nâu, trắng và ngà, kỵ màu của Hỏa.

3) Cách So Tuổi.

Ngày xưa khi cưới vợ, gả chồng đa số đều nhờ các Ông Thầy Tử Vi so tuổi để xem hợp khắc ra sao, có ăn đời ở kiếp hay bị chia ly tan vỡ. Đa Số các ông Thầy đều dùng Nạp Âm để so tuổi nếu thấy 2 tuổi có hành khắc nhau như Thủy với Hỏa là có vấn đề, nếu lại thêm Tứ Hành Xung như : Dần Thân Tỵ Hợi, Tý Ngọ Mão Dậu, Thìn Tuất Sửu Mùi là chắc chắn cuộc hôn nhân khó thành.

Nhưng cũng nên lưu ý rằng : trong Tứ Hành Xung như Dần Thân Tỵ Hợi, như Dần (mộc) chỉ xung với Thân (kim) không những vừa xung (đối nghịch) lại khắc về hành (Kim khắc Mộc), riêng với Hợi (thủy) lại ở thế Nhị hợp và tương hợp về Ngũ Hành. Dần và Tỵ ở thế Nhị Phá. Trong Tứ Hành Xung Tý Ngọ Mão Dậu chỉ có 2 cặp (Tý Ngọ) và (Mão Dậu) là Xung; cũng như Thìn Tuất Sửu Mùi cũng chỉ có 2 cặp (Thìn Tuất) và (Sửu Mùi) là đúng với ý nghĩa Xung mà thôi.

Người xưa khi làm một việc gì cũng dựa vào 3 yếu tố (Tam Tài) là Thiên Thời, Địa Lợi và Nhân Hòa. Nếu 3 yếu tố này đều thuận lợi coi như sự thành công có xác suất cao.

Khi So tuổi ta nên để ý đến các tuổi Tam Hợp:

Thế Thủy: Thân Tý Thìn (bộ 3 tuổi này hợp nhau dù khi để ý đến hành của Thìn hay Tý đôi khi tương khắc).

Thế Kim : Tỵ Dậu Sửu.

Thế Mộc : Hợi Mão Mùi.

Thế Hỏa : Dần Ngọ Tuất.

Muốn so sánh 2 tuổi Âm Lịch ta phải so sánh cả 3 yếu tố Can (Thiên Thời), Chi (Địa Lợi) và Nạp Âm (Nhân Hòa). Theo kinh nghiệm riêng:

Độ chính xác của hàng Can 30%, hàng Chi 20% và Nạp Âm 50%.

Thí Dụ I

Cậu A tuổi Mậu Tý (sinh từ 10-2-1948 đến 28-1-1949) muốn so tuổi với Cô B tuổi Bính Thân (sinh từ 12-2-1956 đến 30-1-1957).

Hàng Can: Mậu (thổ), Bính (hỏa), hỏa sinh thổ : hợp +30%.

Hàng Chi : Thân và Tý ở thế Tam Hợp : hợp +20%.

Nạp Âm : hai tuổi cùng mạng Hỏa : hợp +50%.

Kết luận: hai tuổi Mậu Tý và Bính Thân hợp 100% kết hợp về Hôn Nhân dù có tính tình trái ngược (khắc khẩu) vẫn ở với nhau trọn đời (trừ khi trong 2 lá số cung Thê và cung Phu cùng ngộ Triệt, Tuần và Hung Sát tinh tọa thủ). Kết hợp lập Công Ty làm ăn chỉ hòa đến thắng lợi, ít khi bị thua lỗ. Thắng lợi nhiều hay ít còn tùy thuộc vào cách Điều Hành, yếu tố Tài Năng và Thời Cơ.

Thí Dụ II

Ông C tuổi Ất Hợi (sinh từ 4-2-1935 đến 23-1-1936 hay từ 31-1- 1995 đến 18-2-1996) so tuổi với Bà D tuổi Tân Tỵ (sinh từ 27-1-1941 đến 14-2-1942 hay từ 24-1-2001 đến 11-2-2002).

Hàng Can: Ất (mộc), Tân (kim), kim khắc mộc: khắc -30%.

Hàng Chi : Hợi (thủy), Tỵ (hỏa), thủy khắc hỏa: khắc -20%.

Nạp Âm : Ất Hợi (Sơn Đầu Hỏa), Tân Tỵ (Bạch Lạp Kim), hỏa khắc kim : khắc -50%.

Hai tuổi Ất Hợi và Tân Tỵ khắc 100% khi kết hợp Bà D bất lợi hơn Ông C nhiều.

Thí Dụ III

Bà E tuổi Canh Dần (sinh từ 17-2-1950 đến 5-2-1951) so tuổi với Ông F tuổi Giáp Thân (sinh từ 25-1-1944 đến 12-2-1945).

Hàng Can : Canh (kim) khắc Giáp (mộc): -30%.

Hàng Chi : Thân (kim) khắc Dần (mộc) : -20%.

Nạp Âm : Giáp Thân (thủy) sinh Canh Dần (mộc):+50%.

Nếu chỉ để ý đến Nạp Âm như lối So tuổi thời xưa, tưởng rằng 2 tuổi này rất hợp nhau, nhưng nếu chi tiết hóa ta thấy 2 tuổi không mấy thuận lợi vì cả Can lẫn Chi đều khắc.

Với lối So tuổi trên cộng 3 yếu tố lại về mặt Toán Học, nếu trên 50% coi như thuận lợi , dưới 50% coi như bất lợi.

4) ***Làm cách nào để Trung Hòa độ khắc kị***

Có 2 cách:

a) Cách I : Thí dụ như Thủy khắc Hỏa, dùng yếu tố trung hòa là hành Mộc, vì Thủy sẽ sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, sự khắc nhập của Thủy với Hỏa coi như triệt tiêu. Cô A mạng Thủy lấy Anh B mạng Hỏa hay ngược lại nên sinh đứa con (hay nhận đỡ đầu) mạng Mộc để cuộc sống trở nên hài hòa, ít gặp khó khăn. Hai tuổi khắc nhau (như Thủy với Hỏa) muốn hợp tác để thành lập Công Ty nên rủ người thứ ba mạng mộc thì lợi hơn.

b) Cách II : Thủy khắc Hỏa có thể dùng yếu tố Thổ : vì Thổ khắc nhập Thủy làm Thủy yếu đi để không đủ sức mà khắc Hỏa. Hơn nữa Hỏa lại sinh Thổ làm cho Thổ vượng để chế ngự Thủy.

Giữa hai cách trên, cách I thuận lợi hơn nhiều. Bảng sau đây dùng cho mọi trường hợp.

Tuổi 2 người	Cách I	Cách II
Thủy và Hỏa	Mộc	Thổ
Hỏa và Kim	Thổ	Thủy
Kim và Mộc	Thủy	Hỏa
Mộc và Thổ	Hỏa	Kim
Thổ và Thủy	Kim	Mộc

5) ***Tìm Ngày Lành Tháng Tốt.***

Theo Âm Lịch :

Tháng Giêng là Tháng Dần
Tháng Hai là Tháng Mão
Tháng Ba là Tháng Thìn
Tháng Tư là Tháng Tỵ
Tháng Năm là Tháng Ngọ
Tháng Sáu là Tháng Mùi
Tháng Bảy là Tháng Thân
Tháng Tám là Tháng Dậu
Tháng Chín là Tháng Tuất
Tháng Mười là Tháng Hợi
Tháng Mười Một là Tháng Tý
Tháng Chạp là Tháng Sửu

Đó là tháng cố định theo hàng Chi, tuy Chi Dần cố định là hành Mộc nhưng mỗi năm ghép với Thập Can, hành của tháng Dần có Ngũ Hành thay đổi. Thí Dụ như năm Mậu Tý 2008 tháng Giêng Âm Lịch được kể từ ngày 7 - 2 -2008 đến hết ngày 25-1 -2009 tháng giêng đó được gọi là Giáp Dần, tháng hai là Ất Mão, tháng ba là Bính Thìn... theo thứ tự như trong

Bảng Lục Thập Hoa Giáp cho đến tháng giêng năm Kỷ Sửu 2009 được gọi là Bính Dần, cứ như vậy cho hết một vòng 60 tháng đến tháng giêng năm Quý Ty 2013 lại trở về tháng Giáp Dần. Nạp Âm theo tháng phải dựa theo Bảng dưới đây:

Tháng	Giáp, Kỷ	Ất, Canh	Bính, Tân	Đinh, Nhâm	Mậu, Quý
1 Dần	Bính	Mậu	Canh	Nhâm	Giáp
2 Mão	Đinh	Kỷ	Tân	Quý	Ất
3 Thìn	Mậu	Canh	Nhâm	Giáp	Bính
4 Ty	Kỷ	Tân	Quý	Ất	Đinh
5 Ngọ	Canh	Nhâm	Giáp	Bính	Mậu
6 Mùi	Tân	Quý	Ất	Đinh	Kỷ
7 Thân	Nhâm	Giáp	Bính	Mậu	Canh
8 Dậu	Quý	Ất	Đinh	Kỷ	Tân
9 Tuất	Giáp	Bính	Mậu	Canh	Nhâm
10 Hợi	Ất	Đinh	Kỷ	Tân	Quý
11 Tý	Bính	Mậu	Canh	Nhâm	Giáp
12 Sửu	Đinh	Kỷ	Tân	Quý	Ất

Theo Bảng trên ta thấy những năm như Giáp Tý, Giáp Dần, Giáp Thìn, Giáp Ngọ, Giáp Thân, Giáp Tuất, Kỷ Sửu, Kỷ Mão, Kỷ Ty, Kỷ Mùi, Kỷ Dậu, Kỷ Hợi, tháng giêng được gọi là Bính Dần, tháng hai là Đinh Mão, tháng ba là Mậu Thìn... theo thứ tự giống Nạp Âm của năm như trong Bảng Lục Thập Hoa Giáp.

Ngày cũng có Nạp Âm của ngày. Bất cứ cuốn Lịch Đông Phương đều ghi nạp âm của ngày. Thí Dụ ngày Thứ Tư 30/4/2008 chuyển sang Âm Lịch là ngày 25 tháng Ba (tháng Bính Thìn) đó là ngày Canh Tý hành Thổ.

Giờ cố định của Ngày: khi mặt trời qua Kinh Tuyến ở một nơi thời điểm đó là Chính Ngọ (ứng với 12 giờ trưa của Địa Phương đó, không kể tăng hay giảm theo mùa Đông hay mùa Hè). Muốn biết chính xác giờ Ngọ của một nơi ta cắm một chiếc gậy nhìn bóng của gậy đó ở thời điểm có độ đo bé nhất. Giờ như giờ Tử Vi:

Từ 11 giờ đến 13 giờ kể là giờ Ngọ.

13 giờ đến 15 giờ	giờ Mùi
15 giờ đến 17 giờ	giờ Thân
17 giờ đến 19 giờ	giờ Dậu
19 giờ đến 21 giờ	giờ Tuất
21 giờ đến 23 giờ	giờ Hợi
23 giờ đến 01 giờ sáng	giờ Tý
01 giờ đến 03 giờ sáng	giờ Sửu
03 giờ đến 05 giờ sáng	giờ Dần
05 giờ đến 07 giờ sáng	giờ Mão
07 giờ đến 09 giờ sáng	giờ Thìn
09 giờ đến 11 giờ sáng	giờ Ty

Trên Lịch ngày 30/4/2008 có ghi giờ đầu là giờ Bính Tý, có nghĩa là (nếu đồng hồ không vận lên hay xuống) Ông A (hay Bà B) muốn xem Bát Tự (để Bói Dịch hay xem giờ tốt xấu) vào 10 giờ sáng ngày 30/4/2008 thì như sau: Năm Mậu Tý, Tháng Bính Thìn, Ngày

Canh Tý, Giờ Tân Ty. Lưu ý rằng cũng thời điểm đó, nếu ở bên Pháp chẳng hạn lúc đó đồng hồ đã vắn lên 2 giờ thì không phải là giờ Tân Ty mà phải lấy giờ Canh Thìn.

Muốn lấy Nạp Âm của giờ (nếu Lịch không ghi giờ đầu trong ngày) ta cũng dùng Quy Luật như lấy Nạp Âm của tháng theo Bảng dưới đây:

Giờ	Giáp, Kỷ	Ất, Canh	Bính, Tân	Đinh, Nhâm	Mậu, Quý
Tý	Giáp	Bính	Mậu	Canh	Nhâm
Sửu	Ất	Đinh	Kỷ	Tân	Quý
Dần	Bính	Mậu	Canh	Nhâm	Giáp
Mão	Đinh	Kỷ	Tân	Quý	Ất
Thìn	Mậu	Canh	Nhâm	Giáp	Bính
Ty	Kỷ	Tân	Quý	Ất	Đinh
Ngọ	Canh	Nhâm	Giáp	Bính	Mậu
Mùi	Tân	Quý	Ất	Đinh	Kỷ
Thân	Nhâm	Giáp	Bính	Mậu	Canh
Dậu	Quý	Ất	Đinh	Kỷ	Tân
Tuất	Giáp	Bính	Mậu	Canh	Nhâm
Hợi	Ất	Đinh	Kỷ	Tân	Quý

Cách xem Ngày Giờ: Thí Dụ: Bạn tuổi Bính Tý (sinh từ 24-1-1936 đến 10-2-1937 hay từ 19-2-1996 đến 6-2-1997) muốn xem ngày Chủ Nhật 1-9-2002 tốt hay xấu? Năm Dương Lịch 2002 ứng với năm Nhâm Ngọ (Dương Liễu Mộc) của Âm Lịch, tháng 9 Dương Lịch ứng với tháng 7 Âm Lịch đó là tháng Mậu Thân (Đại Dịch Thổ) ngày mồng 1 Dương Lịch là ngày Nhâm Thân (Kiếm Phong Kim), giờ Đầu là giờ Canh Tý. Năm Nhâm Ngọ nạp âm Dương Liễu Mộc do Can Nhâm (thủy) ghép với chi Ngọ (hỏa) so với Can Bính (hỏa) và Chi Tý (thủy) nạp âm Giản Hạ thủy, tuổi Bính Tý ở năm Nhâm Ngọ 2002 không thuận lợi ở đầu và giữa năm, chỉ được thuận lợi ở cuối năm. Tháng Mậu Thân hành Thổ khắc Mệnh Thủy của Bính Tý, nhưng tương hợp ở hàng (Can: Hỏa sinh Thổ), hàng Chi tam hợp ở Thân Tý Thìn. Ngày Nhâm Thân kim sinh thủy thuận lợi 50%. Rơi vào các giờ Nhâm Dần (3g-5g sáng), riêng ở Pháp trừ đi 2 giờ (giờ mùa Hè), Quý Mão (5g-7g), Bính Ngọ (11g-13g), Đinh Mùi (13g-15g) được thuận lợi. Bất lợi nhất ở các giờ Mậu Thân (15g-17g), Kỷ Dậu (17g-19g).

Theo Khoa Bát Tự khi chọn ngày giờ tốt, lý tưởng nhất là hành của năm sinh hành của tháng, tháng sinh ngày, ngày sinh giờ, giờ hợp với Bản Mệnh. Như năm Nhâm Ngọ thuộc hành Mộc chọn tháng 3 và 4 tức hai tháng Giáp Thìn và Ất Tỵ hành Hỏa chọn các ngày sau (hành Thổ) : Canh Ngọ, Tân Mùi, Mậu Dần, Kỷ Mão, Đinh Hợi, Canh Tý, Tân Sửu, Bính Thìn, Đinh Tỵ, Mậu Thân, Kỷ Dậu. Ở các ngày trên chọn các giờ sau (thuộc hành Kim): Giáp Tý, Ất Sửu, Nhâm Thân, Quý Dậu, Canh Thìn, Tân Ty, Giáp Ngọ, Ất Mùi, Nhâm Dần, Quý Mão, Canh Tuất, Tân Hợi. Được trùng phùng 4 yếu tố trên cùng một lúc thì rất thuận lợi cho các tuổi mạng Thủy như : Bính Tý, Đinh Sửu, Giáp Thân, Ất Dậu, Nhâm Thìn, Quý Ty, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Giáp Dần, Ất Mão, Nhâm Tuất, Quý Hợi. Thông thường nếu chỉ chọn ngày thì chỉ cần so hàng Can, hàng Chi, Nạp Âm cũng như khi So tuổi, nếu thấy Tỷ Lệ phần trăm được trên trung bình là tốt. Muốn chi tiết hơn ta phải để ý đến 3 yếu tố sau: Thập Nhị Bát Tú, Thập Nhị Trực và Cát và Hung Tinh trong ngày.

Thập Nhị Bát Tú (28 sao)

Theo thuật Trạch Cát dựa vào Khoa Thiên Văn Cổ có 28 Sao có ảnh hưởng Cát Hung đối với nhân sự. Với 28 Sao được chia làm 4 nhóm, mỗi nhóm có 7 Sao nằm 4 phương trên bầu trời:

- a) Phương Đông có chòm Sao *Thanh Long*: Giác, Cang, Đê, Phòng, Tâm, Vĩ, Cơ.
- b) Phương Tây có chòm Sao *Bạch Hổ*: Khuê, Lâu, Vị, Mão, Tất, Chủy, Sâm.
- c) Phương Nam có chòm Sao *Chu Tước*: Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chấn.
- d) Phương Bắc có chòm Sao *Huyền Vũ*: Đẩu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngụy, Thất, Bích.

Mỗi Sao ứng với một tháng, thậm chí một ngày. Có 15 Sao tốt: Tất (xây cất, khai trương, tế tự, tu tạo), Trương (tế tự, hôn nhân, mai táng, khởi công), Thất (tế tự, hiếu hỉ), Chủy (cưới hỏi, tu tạo, động thổ, khai trương, tạo dựng, hiếu hỉ), Khuê (xây cất, tang lễ, cưới hỏi), Cang (mọi việc tốt), Lâu (hôn nhân, mở cổng, khởi công), Đê (hiếu hỉ, hội hè), Nữ (khai trương, hiếu hỉ), Liễu (mai táng, cưới hỏi), Hư (tế tự, hiếu hỉ) và Mão (tế tự, hiếu hỉ).

15 Sao xấu: Về xây cất, hiếu hỉ, kiện tụng (Tâm, Ngụy, Vĩ, Cơ, Chấn, Phòng, Giác, Ngưu, Vị, Tinh), mọi việc xấu (Đẩu, Tinh, Quỷ).

Thập Nhị Trực

Theo Dịch Lý thì trong quá trình vận động tuần hoàn ở Chu Trình kín qua 12 cung được biểu hiện sự biến dịch qua hình ảnh của Thập Nhị Trực: Kiến, Trừ, Mãn, Bình, Định, Chấp, Phá, Ngụy, Thành, Thu, Khai và Bế.

1) *Trực Kiến*: Kiến là tạo ra cái mới, ngày Trực kiến nói chung tốt cho mọi việc khởi đầu, tuy nhiên phần lớn người Tàu lại không chọn ngày này để xây cất, động thổ, đó là do Quan niệm và kinh nghiệm riêng của từng người.

2) *Trực Trừ*: cái mới đã được kiến lập thì phải loại Trừ cái cũ, nên sau Kiến là Trừ. Tức là giai đoạn Cũ Mới tranh đua nhau, tranh tối tranh sáng, nên ít thuận lợi.

3) *Trực Mãn*: mãn nghĩa là tràn đầy, nghĩa là cái mới đang ở giai đoạn phát triển Cực Đại. Ngày này lợi cho các việc cầu phúc, cầu an, cúng bái, tế lễ. Theo Dịch Lý Đông Phương thì cái gì đầy là sắp phải với, thời điểm bắt đầu đi xuống (có mầm tiêu), nên không chọn ngày này để Khai Trương, nhận chức, hôn nhân vv...

4) *Trực Bình*: Một vật đang phát triển đến độ sung mãn (cực đại) thì phải dừng lại để hoàn thiện, nên sau Mãn là Bình. Bình cũng có nghĩa như Bình Định, làm cho yên ổn, bổ xung những cái thiếu để được hoàn thiện, hoàn mỹ. Đó là ngày tốt cho mọi việc. Tuy nhiên các việc như tranh luận, chữa bệnh, xuất binh nên tránh vì có tính cách phá thế ổn định.

6) *Trực Chấp*: Tốt cho các việc lưu giữ lâu dài như trồng trọt, cất giữ tiền bạc, gieo hạt giống. Bất lợi cho các việc: xuất tiền, dời chỗ ở, xuất hành, mở cửa hàng, mở hãng xưởng...

7) *Trực Phá*: Phá là dỡ bỏ, lợi cho việc phá bỏ cái cũ để tạo dựng cái mới như phá bỏ nhà cũ xây nhà mới. Giải thể một đoàn, một hội...

8) *Trực Ngụy*: Ngụy là nguy hiểm. Cái mới chưa tạo dựng mà đã loại bỏ cái cũ, dễ mất định hướng. Các ngày có Sao này không thuận lợi cho mọi việc.

9) *Trực Thành*: Cái mới đã bắt đầu thành tựu, ngày có sao này rất thuận lợi cho các việc Kinh Doanh, nhập học, kết hôn, nhậm chức, dọn nhà mới. Trái lại các việc tranh chấp, kiện tụng không nên chọn ngày này.

10) *Trực Thu*: Thu có nghĩa là gặt hái kết quả, thu lợi vào. Thuận lợi cho việc thu hoạch hoa màu, ngũ cốc, dựng cửa hàng, kho hàng, hãng xưởng. Trái lại nên kị những công việc có tính khởi đầu, bắt đầu.

11) *Trực Khai*: Thuận lợi cho việc kết hôn, khai trương, nhập học. Các công việc như đào đất, chôn cất hoặc mang tính hủy diệt như săn bắn, chặt cây, dỡ nhà thì không lợi.

12) *Trực Bế*: Bế là bế tắc, ngưng trệ, vùi lấp. Thích hợp với công việc có tính cách “bế” như đắp đập, ngăn đê, đập vách tường...

Sao tốt xấu trong ngày.

Tốt hay xấu chỉ có nghĩa tương đối, nghĩa là không tốt lắm cũng như không quá xấu. Theo thuật Trạch Cát người ta chia ra 2 loại Sao trong ngày:

- 1) *Sao tốt*: Thiên Đức, Thiên Đức Hợp, Nguyệt Đức, Nguyệt Đức Hợp, Thiên Quý, Yếu Yên (hay An), Nguyệt Ân, Ngũ Phú, Dịch Mã, Tam Hợp, Lục Hợp, Hoàng Ân, Thiên Ân, Thiên Thụy, Giải Thần, Thiên Xá, Thanh Long, Minh Đường, Kim Đường, Ngọc Đường.
- 2) *Sao xấu*: Thiên Cương, Sát Chủ, Đại Hao (Tử Khí, Quan Phù), Thập Ac Đại Bại, Thụ Tử, Kiếp Sát, Trùng Tang, Kim Thần, Thất Sát.

Phần III Các Giai Thoại sinh khắc về Ngũ Hành.

1) Thập Niên 60, hồi mới lên trường Võ Bị Đà Lạt các giáo sư phần lớn còn độc thân nên nhà trường dành những Cư Xá Độc Thân cho các Sĩ Quan này. Vào những đêm cuối tuần hay những đêm trực ứng chiến, ngoài những người không về Sai gon thì thường tụ tập từng nhóm phòng này thì xoa Mặt chược, phòng kia thì tổ chức phé để giải sầu. Nhất là từ khi Văn Hóa Vụ tổ chức lớp học giống như West Point mỗi lớp chỉ độ 20 Sinh Viên nên đa số Sĩ Quan Thủ Đức khi tốt nghiệp có cấp bằng Đại Học phần lớn dành cho Nhu Cầu Võ Bị nên số giảng viên đang từ khoảng 3, 4 chục tăng vọt hàng trăm. Cư Xá Thủy Tiên mấy chục phòng cũng không đủ chỗ ở cho các Sĩ Quan độc thân này. Ngày nay mỗi khi gặp lại nhau tại Hải Ngoại nhiều Bạn vẫn nhắc lại thời gian nhiều Kỷ Niệm đó, đa số đều nhắc lại những giai thoại về các nhân vật A, B, C... về các buổi chơi bài giải trí đó. Phần lớn các giáo sư đó cũng nghiên cứu về Tử Vi, Tướng Số nên các dữ kiện được lập lại nhiều lần trong các buổi giải trí đã được nhiều người chiêm nghiệm và cho rằng độ chính xác có xác xuất khá cao. Cũng như các nhà Toán Học phương Tây cũng vì chơi bài nhiều lần trong lúc giải trí mà phát minh ra Môn Xác Suất.

Như Anh A vẫn thường bàn luận với Tôi về Ngũ Hành sinh khắc, riêng cá nhân anh ta đã kinh nghiệm nhiều lần khi đánh Phé hay xoa Mặt chược cứ gặp nhân vật B, phần lớn không gặp may, kỳ đà cản mũi, mà anh ấy cho là “khắc tinh”. Tôi có nói anh mạng Thủy, anh B mạng Thổ, mà Thổ khắc nhập Thủy thì bất lợi phần lớn về phía anh là điều hiển nhiên. Tôi có nói sự sinh khắc không phải cố định. Dịch Lý dựa vào Thời Vị nên phải dùng chiến thuật để hóa giải. Như trong lúc đánh Phé, anh có đôi Xi, anh B (khắc mạng) có đôi Đầm có “tố” vào mặt đôi Xi cũng đừng tố lại, coi như mình không có gì. Nếu tố lại, người kế bên bỏ không rút thành ra anh B sẽ lên hai đôi trong lúc đó anh chỉ trần xì một đôi Xi và sẽ thua khi Tố đậm, tốt nhất anh chỉ nên theo xuông đừng tố lại, chờ lá thư năm khi đối thủ không thêm đôi nào nữa, lúc đó hãy xả lảng thì mới hy vọng thắng. Cũng áp dụng vào lúc xoa, khi thấy bài mình đang lớn mà có một tay ù nhỏ phá thế trận của mình, thì ở thời điểm

ấy, đối thủ đó chính là “khắc tinh” của mình phải cẩn thận đừng đua với hắn ở những ván kế tiếp. Nghĩa là khi hắn dựng nhiều khung có phán lớn anh đừng đua mà phải ôm khung ù chạy, chờ vài ván bài hắn xuống hãy tấn công và nên nhớ khi đang vào thế thắng thì phải lợi dụng tối đa, dịp may nào cũng hiếm, ít khi kéo dài. Hơn nữa hên xui còn tùy thuộc vào vị trí chỗ ngồi cũng quan trọng không kém. Anh mạng Thủy thuộc Quỷ Khảm (Đông Tứ trạch) hướng Đông Nam (hướng Sinh Khí) là hướng tốt nhất rồi đến Bắc, Nam và Đông, kỵ nhất ngồi hướng Tây Nam, tuy nhiên cũng tùy thuộc vào vận số (tốt hay xấu). Đánh bài mà không có bài thì giỏi đến mấy, gặp tay mơ có bài, vẫn thua như thường. Cổ nhân vẫn nói “ sắc như mác cũng thua bằng vận đỏ” là vậy đó, nhưng biết cách tiết chế thì đỡ thua đậm ở vận đen và chờ khi vận đỏ gỡ lại; biết cách khắc chế và lợi dụng thời cơ thì đường dài vẫn thắng. Ngày nay sau vài chục năm gặp lại, anh ta có nhắc lại những kinh nghiệm đã trao đổi và có nói nhiều lúc không tin mà vẫn thấy trúng.

Lúc đó cũng có Anh bạn thân Bác Sĩ cũng có nghiên cứu về môn Tử Vi, ngoài lúc khám bệnh cho Sĩ Quan, Sinh Viên Sĩ Quan của Trường Võ Bị, anh bạn còn mở phòng khám bệnh tư ở ngoài phố rất đông khách. Tôi cũng có nói với Anh nên làm Thống Kê về ngày tốt xấu để chiêm nghiệm giống như Bác Sĩ J. Ranald đã làm về môn Chỉ Tay và đã xuất bản một cuốn sách về môn này rất nổi tiếng. Sau nhiều tháng làm thống kê, những lúc mạn đàm về môn Tử Vi, anh bạn có công nhận là những ngày có hành hợp với tuổi thì rất đông khách, trái lại những ngày khắc tuổi không những ít bệnh nhân lại có vô số vấn đề vừa bức mình lại nhiều đối phó. Mỗi khi khám bệnh, anh ấy qua năm sinh đều biết được tuổi của bệnh nhân và thấy rằng khi chữa những bệnh nhân hợp tuổi thì cho thuốc nhẹ cũng lành bệnh, phần lớn được ca tụng là “mát tay”, trái lại gặp người khắc tuổi thì thời gian điều trị có lâu hơn. Tôi cũng có nói với Anh rằng riêng cá nhân của tôi với anh hợp tuổi, mỗi khi đau được anh chữa bệnh thì hợp thầy hợp thuốc nên lành rất mau. Có một hôm tôi bị cảm, anh bạn Bác Sĩ quen thường khám về công tác ở Saigon nên tôi phải đi một Bác Sĩ khác khám và cho thuốc uống. Khi uống vào bệnh thấy nặng thêm vì phản ứng của thuốc, dù chỉ bị cảm nhẹ mà cũng kéo dài hơn một tuần mới khỏi, khi gặp anh nói lại chuyện này, anh có cười và nói rằng “ ông bạn ơi, tuổi của ông với ông bác sĩ ấy khắc nặng đó”. Thời gian dạy ở Võ Bị cũng có nhiều anh bạn say mê nghiên cứu về Tử Vi, những buổi cuối tuần thường họp nhau, sau các buổi giải trí hay ăn uống thường thường lấy đối tượng là những bạn quen để chiêm nghiệm về khoa này. Cặp nào có vấn đề là thường khắc tuổi và Cung Phu hay Thê ngộ Tuần Triệt, rơi đúng vào tiểu hạn nằm ở Cung đó. Cũng có một cặp chồng tuổi Giáp Tuất (mạng Hỏa) vợ tuổi Bính Tý (mạng Thủy) ở với nhau rất thuận hoà có đến 7 đứa con (cả nhóm cũng nghĩ nhờ đứa con Nhâm Tý mạng Mộc trung hòa, nhưng vài năm sau sinh đứa con thứ tám, đứa này bị liệt). Chứng tỏ sự khắc kị là có thật, và có dưới nhiều hình thức khác nhau, tùy đối tượng và còn tùy nhiều ẩn số khác. Trong lúc mạn đàm, cũng có anh bạn tuy có nghiên cứu nhưng không tin tỏ ra nghi ngờ, nêu lên thắc mắc : tại sao tuổi Giáp Tuất lại mạng Hỏa? Tại sao lại khắc với các tuổi mạng Thủy. Tôi có nói với anh ta rằng thì cũng như anh học Toán phải chấp nhận những Định Đề, đến như các Định Luật của môn Vật Lý cũng phải qua nhiều lần thí nghiệm mới ứng dụng được. Riêng bản thân của tôi khi ra đến nước ngoài đứng trước các máy đo ở Viện Bảo Tàng, mới hiểu rằng mỗi người đều có “ nhân điện” khác nhau; mới hiểu rằng luật sinh khắc mà người xưa nêu ra là có thật: tại sao có những người ta mới gặp là có cảm tình ngay; cũng như có người ta khó ưa ngay lúc gặp đầu tiên. Những giản đồ hình Sin của mỗi người trước máy đo gọi cho tôi bài học Giao Thoa Ánh Sáng ở những năm Trung Học. Sự sinh khắc nhiều hay

ít là do tổng hợp Biên Độ của sự Cộng Hưởng của hai luồng Nhân Điện mà thôi! Luồng nhân điện đó biến đổi theo thời gian. Điều này đã được chứng minh trong ngành Sinh Học: các nhà Bác Học Halberg và Reimberg đã tìm được Chu Kỳ Sinh Học giúp cho các Nhân Công trong Hãng Xưởng biết được thời điểm có năng suất cao, cũng như thời điểm dễ bị tai nạn khi đứng máy. Cũng như trong Tử Vi, nhờ kinh nghiệm lâu đời chiêm nghiệm: thời điểm rủi ro là khi trùng phùng nhiều khắc kị: năm tuổi + thiên khắc, địa xung, nạp âm khắc, hạn Thiên Không, hạn La Hầu (Nam), Kế Đô (Nữ), Thái Bạch, các Hung Sát Tinh (Kình, Hinh, Linh, Hỏa, Không Kiếp). Ba thí dụ dễ kiểm chứng cho mọi người: Tổng thống Ngô đình Diệm tuổi Canh Tý(1900) chết năm Quý Mão 1963 (tính theo Âm Lịch 64 tuổi : hạn La Hầu+hạn Tam Tai+ hạn Thiên Không ở tiểu hạn năm Mão). Bà Benazir Bhutto cựu Thủ Tướng Pakistan tuổi Quý Tỵ 1953 bị ám sát năm Đinh Hợi 2007 : năm Thiên khắc (Đinh khắc Quý), Địa Xung(Hợi khắc Tỵ), Nạp Âm (Thổ khắc Thủy)+ hạn Tam Tai+ hạn Kế Đô năm 55 tuổi Âm Lịch. Saddam Hussein, Tổng Thống Iraq sinh năm Đinh Sửu 1937 (giờ Sửu tháng 3) bị bắt năm Quý Mùi 2003 (năm Thiên khắc Địa xung+ hạn Thái Bạch, bị treo cổ năm Bính Tuất 2006 (70 tuổi: hạn Kế Đô + Kình Đà Hinh tại Thân, lưu vận gặp Không Kiếp). Còn rất nhiều trường hợp không tiện kể ra đây. Nếu Quý Vị nào thích làm thống kê để kiểm chứng có thể vào các nghĩa trang xem bia mộ các người đã quá cố (dù chết già hay chết trẻ) thì sẽ thấy phần lớn chết vào năm tuổi hay năm sau tuổi (hạn Thiên không) hay vào các năm hạn La Hầu, Kế Đô, Thái Bạch, Kình Dương... ấy là chỉ biết tuổi ; nếu biết đủ chi tiết lập Lá Số ta có thể kiểm chứng được nhiều điều thú vị hơn. Dĩ nhiên cũng còn tùy thuộc nhiều yếu tố khác.

2) Ngày xưa khi đọc chuyện Tàu, nhất là chuyện Tam Quốc Chí, khi ra trận thường thường chỉ 2 tướng ra đánh nhau. Khổng Minh thường cử những tướng “ khắc tinh” ra đối đầu với địch thủ. Trường hợp bị khắc nhập, dù có tài giỏi hơn, nhiều khi vẫn thua như thường. Sự tương khắc thể hiện rõ nhất trong các trò chơi chỉ có 2 đấu thủ như trong các trận đấu trong môn Quần Vợt (Tennis). Tôi thường thường xem tiểu sử các tuyển thủ để biết năm sinh và theo dõi qua các trận đấu. Vào cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90 Nữ tuyển thủ người Đức là Stephie Graaf (mạng Thổ) luôn luôn ở ngôi vị Nữ Hoàng trong Quần vợt Nữ trong mọi giải, nhưng một năm ở Giải Roland Garros tại Pháp đã thua một đối thủ trẻ Monica Seles (mạng Mộc: Mộc khắc Thổ) người Mỹ, dù tài năng yếu hơn (dĩ nhiên còn phải kể đến yếu tố may mắn). Yếu tố năm sinh về sinh khắc xuất hay nhập còn tùy thuộc vào vận hạn hàng năm (niên hạn, đôi khi còn phải xét cả yếu tố nguyệt hạn). Trường hợp điển hình nhất là Federer Roger, tuyển thủ người Thụy Sĩ sinh ngày 8/8/1981 (tuổi Tân Dậu mạng Mộc) đứng đầu bảng nhiều năm liên tiếp, từ năm Đinh Hợi 2007 đi vào hạn Tam Tai đã thua nhiều trận đấu ngay từ vòng 1 với những đối thủ yếu cơ hơn nhiều. Trong trận Chung kết giải Roland Garros tháng 6 năm 2008 đã thua đối thủ Nadal Rafael người Tây Ban Nha 3 set đậm làm ngạc nhiên những người hâm mộ danh thủ này. Nadal sinh ngày 8/6/1986 (tuổi Bính Dần mạng Hỏa), năm Mậu Tý 2008 thuộc Hỏa đi vào vận Thái Dương+ Long Phượng Hổ Cái trong khi đó Federer (28 tuổi Âm Lịch) bị hạn La Hầu+Tam Tai hơn nữa lại gặp khắc tinh (Bính khắc Tân) cộng thêm đối thủ tài năng sở trường tại sân đất nện. Tháng 7/2008 tại Luân Đôn ở giải Wimbledon, Federer đã thắng 5 lần liên tiếp các năm trước đó (2003-2007), năm nay(7/2008) lại phải thua Nadal (3/1) dù có sở trường trên Sân cỏ. Trong giải ở Thế Vận hội Bắc Kinh Federer ở vòng ¼ cũng thua đối thủ Blake (USA) với kết quả (6 – 4, 7 – 6) trong khi đó

Nadal được Huy chương Vàng Olympic. Cũng ở giải Roland Garros về phía Nữ vào chung kết là 2 tuyển thủ: Safina Dinara người Nga sinh ngày 27/4/1986 (tuổi Bính Dần mạng Hỏa, năm Mậu Tý 2008 đi vào hạn Thổ Tú, tiểu vận gặp Tứ Linh Long Phượng Hổ Cái + Mã Khốc Khách); Ivanovic Ana người Serbie(SME) sinh ngày 6/11/1987 (tuổi Đinh Mão mạng Hỏa, năm Mậu Tý 2008 đi vào hạn Thái Âm, tiểu hạn Thiên Không+Tam Minh Đào Hồng Hỉ (tuổi trẻ đi vào vận này danh tiếng nổi lên như sóng cồn). Hai Cô cùng mạng Hỏa gặp năm hỏa lợi cho cả Bính lẫn Đinh tài năng cùng ngang cơ nhau (tuy trong bảng xếp hạng Ivanovic thứ 2 trong khi đó Safina thứ 17 nhưng đang nổi lên- vừa đoạt giải Berlin trước đó vài tháng) nhưng lợi thế nghiêng về Ivanovic vì ngày chung kết rơi vào tháng 5 Âm Lịch được Lộc Tôn+Đào Hồng ở cung Ngọ (hỏa), trong khi đó tháng này, đối với tuổi Bính có Kinh Dương cư Ngọ là cách Mã đầu đối kiếm (gươm treo cổ ngựa) nhiều bất lợi. Ivanovic đã thắng vẻ vang ở trận này(2/ 0), thêm vào đó, đồng thời lại đoạt Vương Miện Nữ Hoàng Quần Vợt Thế Giới về Phái Nữ. Phải nói là “Hên” cho Ivanovic vì Nữ Hoàng trước đó là Henin Justine người Bỉ sinh ngày 1/6/1982 (tuổi Nhâm Tuất mạng Thủy) đã giữ liên tiếp nhiều năm không đối thủ. Trong giải Roland Garros năm Đinh Hợi 2007 trước đó, Ivanovic và Henin đã gặp nhau ở trận Chung Kết và Henin đã thắng đậm, giữ chức Vô Địch ở giải này 3 lần liên tiếp. Về tài năng thì Henin trên chân Ivanovic hơn nữa lại khắc tinh thủy khắc hỏa, nhờ Henin giải nghệ nên Ivanovic mới có dịp đăng quang trong năm này!. Tuy nhiên vào tháng 7/2007 trong giải Wimbledon, dù đang ở Chu Kỳ vượng, nhưng vì bị chấn thương ở tay phải , Ivanovic đã thua đậm (1/6, 4/6) một đối thủ chưa có tên tuổi Zheng Zie, người Trung Hoa sinh ngày 5/7/1983 (tuổi Quý Hợi mạng Thủy) chỉ mới xếp thứ hạng 40 trong 100 vận động viên Nữ về Quần Vợt Quốc Tế. Đáng lý ra theo kế hoạch đã sắp xếp từ trước Ana Ivanovic sẽ thi đấu cho Serbia ở Giải Olympic Bắc Kinh, nhưng theo lời khuyên của Bác Sĩ Cô không thể thi đấu quá sớm, nên không tham dự giải này. Vì ít thời gian nghỉ ngơi, lại quá vội khi chưa bình phục, tháng 8/ 2008 trong giải US Open, Ivanovic lại thua Julie Coin với tỷ số (6-3, 4-6, 6-3), một đối thủ cũng chưa có tên tuổi Julie Coin, người Pháp sinh năm 1983 (cũng tuổi Quý Hợi mạng thủy) chỉ mới xếp thứ hạng 188. Chưa nói về tài năng giữa 2 đối thủ mà trận này ta thấy thể hiện sự “Khắc Tinh” rõ ràng: Quý (thủy) khắc Đinh (hỏa) ở hàng Can, tuy Mão Hợi ở thế Tam Hợp nhưng nạp âm Thủy (Đại Hải Thủy = nước trong Biển cả) của Zheng và Coin đã đập tắt Hỏa (Lô trung Hỏa= lửa trong Lò) của Ivanovic. Dĩ nhiên một trận chưa đủ luận sự thắng bại và tài năng mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố: may mắn, sức khỏe lúc thi đấu, thêm vào đó Ivanovic đang bị chấn thương .

- 3) Mỗi khi đọc Báo hàng ngày hay hàng tuần Tôi luôn luôn để ý đến những tin tức thuộc về Hình Sự, nhất là báo Chuyên Đề An Ninh thế giới ở Việt Nam hiện nay, nơi xảy ra nhiều vụ án về hình sự (thanh toán giữa các tay anh chị, buôn bán ma túy, giết người cướp của...), một xã hội xuống cấp, đạo đức suy đồi, băng hoại khi đồng tiền là cứu cánh tối hậu của đời sống. Nhờ tên tuổi cùng năm sinh được ghi rõ trên mỗi bài báo trong các vụ án khác nhau đã cho tôi một Thống Kê thích thú khi khám phá ra tại sao tên đó lại vô tù, hay bị giết. Như đã nói ở trên, phần lớn (chỉ vì chỉ biết được tháng, năm sinh) nên vận hạn xui thường rơi vào năm khắc tuổi trùng phùng với nhiều hạn như La Hầu, Kế Đô, Thái Bạch, Tam Tai, Kinh Đà. Độ chính xác khá cao (xem bài Năm Xung tháng hạn).

Mới đây vụ án Ông Bố loạn luân tại nước Áo đã gây chấn động tại Áo và Âu Châu: Josef Frizl sinh năm 1936 đã hãm hiếp chính con gái của mình tên là Elizabeth từ lúc cô bé mới có 11 tuổi và giam giữ dưới hầm nhà trong suốt 24 năm để phục vụ tình dục cho mình để ra 7 đứa con, nhưng gia đình trên mặt đất không một ai hay biết. Josef Frizl là một người đàn ông có dáng dấp bề vệ trang nghiêm, có tiền bạc nhờ buôn bán địa ốc, được nhiều người xung quanh quý trọng nể nang; trước đây ông ta từng là thợ điện. Hai vợ chồng sống trong một ngôi nhà rộng có vườn lớn sầm uất, thường ít ai lai vãng. Với kinh nghiệm trong việc mua bán nhà cửa, Josef có được 2 ngôi nhà lớn trị giá 2 triệu Âu kim và đang dự định một công trình khác trị giá 4 triệu nữa. Nhưng đó chỉ là mặt nổi của của tên đâm đãng mà bản chất thực là một con thú tàn ác vô luân! Câu chuyện lộ ra ánh sáng, khi con gái Kerstin 19 tuổi của Josef với Elizabeth, sống dưới hầm kín bị đau nặng vào ngày 17-4, Josef gọi xe cứu thương của hội Hồng Thập Tự đến cấp cứu. Bác sĩ thấy tình trạng cô gái đang hôn mê bất tỉnh, đưa vội vào bệnh viện. Hỏi đến giấy tờ của cô gái, Josef cho biết mẹ nó đã bỏ đi theo một giáo phái nào đó, bỏ con lại cho Ông ngoại nuôi, nên không có giấy tờ nào cả. Bác sĩ yêu cầu phải gặp mặt người mẹ gấp để tìm hiểu về chứng di truyền. Vì nghi ngờ có sự ám muội nên bác sĩ đã báo cho cảnh sát biết. Cảnh sát liền nhờ phương tiện truyền thông và truyền hình kêu gọi ai là mẹ của Kerstin hãy đến bệnh viện gấp để cứu con gái. Vào ngày 25, mẹ của bệnh nhân là Elizabeth đến gặp con gái, đi cùng với Josef và mấy đứa con khác. Bác sĩ yêu cầu mọi người trong gia đình đều phải thử nghiệm AND, nhưng riêng Josef từ chối. Cảnh sát liền bắt giữ Josef và Elizabeth. Elizabeth nay 42 tuổi nhưng trông như một bà già răng hư tóc bạc, mặt mày tiêu tụy, cảm miệng không dám khai lúc đầu, nhưng sau đó vì sợ bị tù nên khai hết sự thật. Câu chuyện bắt đầu cách đây 24 năm qua.

Elizabeth là con gái thứ hai của vợ chồng Josef đã bị cha mình hãm hiếp lúc mới 11 tuổi. Vào tháng 8 năm 1984, khi Elizabeth được 18 tuổi, ông bố dụ xuống hầm nhà, cho uống thuốc mê, trói chân tay và hãm hiếp tại đây, sau đó tiếp tục bị nhốt trong hầm. Qua ngày hôm sau, Josef cùng vợ đến trình với Cảnh Sát là con gái của họ bị mất tích, có lẽ bỏ nhà đi theo một giáo phái nào đó và không về nhà nữa. Mỗi ngày tên già xuống hầm buổi chiều, có khi ở lại qua đêm. Bà vợ không hề hay biết cũng vì sợ nên không dám có thắc mắc. Trong gia đình ai cũng biết Josef là 1 đàn ông uy quyền, bắt mọi người tuyệt đối nghe lệnh mình và không được cãi lại. Trong suốt thời gian làm nô lệ tình dục cho cha mình Elizabeth sinh để liên tiếp 7 đứa con. Năm 1988 Kerstin chào đời, 2 năm sau là Stephan, rồi Lisa; trong căn hầm nhỏ bé không có ánh sáng, bé Lisa khóc ngày đêm. Lão già hơi thối mệch khi phải nuôi bầy con dưới mặt đất, bèn lập mưu đưa bé Lisa lên mặt đất giao cho bà vợ già nuôi nấng. Vào một buổi sáng sớm, bỗng dưng Lão và bà vợ thấy một đứa bé bỏ trước cửa nhà cùng với lá thư của con gái Elizabeth gửi cho cha mẹ, nội dung xin cha mẹ chăm sóc cháu vì cháu gái đang bị đau, hiện nơi con ở không tốt cho cháu. Bà vợ tin thật, liền đem vào lo cho cháu mình. Thế là bé Lisa được sống trên đời thường, sau đó Elizabeth lại tiếp tục để thêm Monika và sinh đôi 2 bé trai, nhưng một đứa chết liền, còn lại là Alexander. Josef đem thiêu xác đứa chết. Lần sau Lão ta lập lại 2 lần âm mưu như trước, năm 1994 đem Monika 10 tháng và đến năm 1996 Alexander 15 tháng, lên khỏi mặt đất được đặt trước cửa với lá thư nội dung như các lần trước. Để nuôi sống gia đình dưới hầm Josef phải lái xe đến các siêu thị xa hàng trăm cây số để tránh cặp mắt dòm ngó, mua thức ăn và quần áo. Còn gia đình trên mặt đất thì khỏi lo lắng vì đã có bà ngoại lo chu đáo việc ăn uống học hành. Tình trạng có vẻ êm thấm trong suốt

thời gian 24 năm liền. Elizabeth cho biết ông bố đe dọa nếu chống cự hay tìm cách bỏ trốn, sẽ xịt hơi gaz vào cho chết hết, muốn sống phải biết tuân lệnh. Tuy nhiên Lão già nay đã 72 tuổi, tóc bạc trắng coi bộ hết lực để lo toan cái ổ dưới đất gồm 4 sinh mạng nạn nhân. Josef bèn bắt Elizabeth viết một lá thư cho biết sẽ trở về nhà với 3 đứa con, lão ta đem lá thư gửi tại Bưu Điện xa, hòng qua mặt bà vợ già thật thà tốt bụng (sau này cảnh sát đã lấy vân tay AND của Lão trên lá thư). Nhưng bất ngờ Kerstin 19 tuổi bệnh nặng, Elizabeth năn nỉ ông bố đưa con đi bệnh viện cấp cứu. Đành lòng, Josef cho con gái 19 tuổi lên mặt đất và gọi cho hội Hồng Thập Tự. Mấy ngày sau nhờ xem Tivi ở trong phòng ngủ thấy thông cáo tìm mình, nếu không gặp Kerstin sẽ chết. Elizabeth năn nỉ bố cho lên mặt đất đến thăm và cứu con gái. Josef bằng lòng với điều kiện không được mở miệng nói bất cứ điều gì, bất cứ với ai. Nhờ lời khai hết sự thật kinh hoàng của Elizabeth, cảnh sát Áo đã đến tận căn hầm bí mật, mới thấy rằng tên dâm tặc làm cửa ngõ rất kiên cố. Chiếc cửa làm bằng bê tông nặng đến 300 kí lô, mở đóng do một Ổ khóa tự động với mã số chỉ có một mình Josef biết. Bà vợ trên mặt đất không hề bèn mảng vì bị chồng cấm, điều này Cảnh Sát công nhận là đúng vì không thấy có dấu vết một ai khác ngoài Josef. Căn hầm xây dựng giống như một địa đạo, được ngăn ra thành 5 phòng nhỏ có phòng ngủ, bếp và phòng vệ sinh. Mấy mẹ con nạn nhân sống không hề thấy ánh nắng mặt trời suốt 24 năm liền. Hiện nay mấy mẹ con Elizabeth được sống chung với nhau trong Bệnh Viện trị liệu Tâm Thần. Josef ngồi tù chờ ngày ra toà. Thời điểm này là tháng tư năm 2008 (tức là tháng 3 Âm Lịch năm Mậu Tý, Josef năm tuổi khắc mệnh + hạn La Hầu, tiểu vận gặp Kinh Đà cố định hội Kinh Đà lưu, nếu biết giờ sinh, chắc chắn Lá Số phải đi vào vận xấu gặp đủ các Hung Sát tinh Kinh Đà Hỏa Linh Không Kiếp). Sau vụ vỡ lở này, được các phương tiện Truyền Thông, nhất là Internet không những chỉ trong nước Áo mà còn lan rộng trên toàn thế giới, Josef với bản chất li lợm vô liêm sỉ không thấy xấu hổ vì sự kiện này lại còn có ý định viết Hồi Ký để kể rõ những năm tháng dùng con gái làm “ nô lệ tình dục “ cho mình (hắn nghĩ rằng sẽ ăn khách để ẵm một số tiền bản quyền lớn) trong khi đó con gái hắn, Elizabet lại viết thư cho giới truyền thông, dọa kiện, để ngăn cấm với ước mong chỉ muốn yên lành với các con trong những năm còn lại!

Paris Xuân 2009

Phạm Kế Viêm